

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH - TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thế Hà

2. Ông Vũ Ngọc Tài

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông: Lê Đình Chiến - Cán bộ TAND huyện Như Thanh

- Đại diện VKSND huyện Như Thanh tham gia phiên tòa:

Bà: Bùi Thị Yên - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST- HNGĐ ngày 04/5/2021, Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐST- HNGĐ ngày 08/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2001/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1999

Trú tại: Thôn 4, xã Xuân D, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T - Sinh năm 1991

Trú tại: Thôn 4, xã Xuân D, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa chị L có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/4/2021, bản tự khai ngày 04/5/2021; biên bản hòa giải ngày 20/5/2021 lời trình bày tại phiên tòa hôm nay cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L cho biết:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân T (Nay là xã Cán K), huyện Như Thanh vào ngày 26/3/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến 21/01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân trở nên nghiêm trọng. Anh T thường hay lăng mạ, xúc phạm danh sự và nhân phẩm của chị. Từ lúc kết hôn đến nay anh T có vài lần đánh đập chị. Chị và anh T đã không thể hòa giải được nữa, cuộc sống bế tắc.

Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Trần Bảo A, sinh ngày 30/4/2019. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo A. Trong đơn khởi kiện chị đề nghị anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 20/5/2021 chị thay đổi ý kiến không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị đề nghị chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Nguyễn Thị L còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện; Đăng ký kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh cháu Bảo A (bản sao chứng thực); CMND chị L, anh T; Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy xin xác nhận nơi cư trú; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 04/5/2021; Bản tự khai chị L; Bảng lương tháng 6/2021.

* Theo đơn yêu cầu thu thập chứng cứ của chị L, Tòa án phối hợp cùng chính quyền địa phương xác minh và thu thập chứng cứ, tiến hành ghi ý kiến của mẹ đẻ anh T là bà Trịnh Thị C, mẹ đẻ chị L là bà Vi Thị D, ý kiến của ông Hà Văn V - Trưởng Thôn C, xã Cán K và ý kiến của ông Trần Việt H - Trưởng Thôn 4 xã Xuân D là nơi anh chị sinh sống để xác định tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng của anh T, chị L. Những ông, bà trên cho biết: Anh T và chị L kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cán K (trước đây là xã Xuân T) vào năm 2018, sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại nhà anh T có địa chỉ tại Thôn 4, xã Xuân D, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả, chị L đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 4/2021. Nay chị L làm đơn ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh T, chị L có 01 con chung là Trần Bảo A, sinh ngày 30/4/2019. Hiện cháu phát triển bình thường, lúc thì ở với mẹ, lúc thì đón sang ông bà nội chơi. Khi ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Vi Thị D mẹ chị L cho biết thêm: Nếu trường hợp chị L được quyền nuôi con thì gia đình bà cũng cam kết tạo mọi điều kiện về chỗ ở và các điều kiện khác tốt nhất cho cháu A sinh sống và học tập. Chị L hiện có công việc ổn định, thu nhập khoảng hơn 8.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản và công nợ chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa ngày 27/7/2021 anh T đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh, Hội đồng xét xử công bố các ý kiến của anh theo quy định. Tại văn bản ý kiến bị đơn ngày 04/5/2021 và trong các buổi hòa giải ngày 04/5/2021; 20/5/2021 anh T trình bày:

- Về hôn nhân: anh và chị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân T vào ngày 26/3/2018. Trong khi chung sống chị L có nhiều hành vi lừa dối anh, hay rượu chè, chơi bời và anh có nhắc nhở nhiều lần nhưng không được nên anh có đánh và xúc phạm chị L. Tuy nhiên, vì tình cảm với vợ và muốn cho con được sống với cả bố, mẹ nên anh không đồng ý ly hôn, mong muốn Tòa án giải quyết cho anh và chị L đoàn tụ. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị L có 1 con chung là Trần Bảo A, sinh ngày 30/4/2019. Nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được nuôi con chung và người nào không được nuôi thì sẽ phải cấp dưỡng.

- Về tài sản và công nợ: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện VKSND huyện Như Thanh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tổ tụng tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tổ tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 điều 56; Các điều 81; 82; 83 luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đối với bị đơn anh Trần Văn T và giao con chung của anh chị là Trần Bảo A, sinh ngày 30/4/2019 cho chị L có quyền trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Chị L phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn; đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Như Thanh theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[2] Về sự vắng mặt của Bị đơn anh Trần Văn T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Trần Văn T các văn bản tố tụng của Tòa án; anh T vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã Xuân T (nay là xã Cán K) huyện Như Thanh vào ngày 26/3/2018 là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại điều 9 luật HNGĐ năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách hai người trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, sự đồng cảm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, có xảy ra xung đột, xúc phạm, đánh đập nhau.

Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Văn T.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/4/2021, bản tự khai ngày 04/5/2021; chứng cứ của bị đơn là văn bản ý kiến, ý kiến trong các buổi Hòa giải; Biên bản xác minh lấy ý kiến của người thân trong gia đình chị L, anh T; Biên bản xác minh của hai trưởng thôn nơi cư trú của chị L, anh T mà Tòa án đã thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của anh T, chị L thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc; chị L và anh T đã sinh sống mỗi người một nơi. Nay chị L có đơn ly hôn HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của chị L đối với anh T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Văn T có 01 con chung là cháu Trần Bảo A, sinh ngày 30/4/2019. Hiện cháu đang ở với chị L.

Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chung cho ai nuôi phải xem xét tất cả các điều kiện liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất cho cháu An. Trong vụ án này theo chứng cứ các bên cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án, HĐXX thấy rằng, nguyện vọng của chị là chính đáng, phù hợp, trên thực tế chị L có công việc thu nhập ổn định, cháu Bảo A dưới 36 tháng tuổi và hiện đang sống cùng chị L. HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị L; Giao cháu Trần Bảo A, sinh ngày 30/4/2019 cho chị L có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp với thực tế, phù hợp quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hơn nữa, chị L có công việc ổn định, có thu nhập cao. HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị L, không buộc anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[8] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Như Thanh tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ vào:** Điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81;82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.
- **Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị L có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trần Bảo A, sinh ngày 30/4/2019 đến tuổi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai thu số AA/2019/0005253 ngày 04/5/2021. (chị L đã nộp đủ án phí)

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Chi cục THADS h. Như Thanh
- VKSND huyện Như Thanh
- UBND xã Cán Khê.
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Quân